



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 35 + 36

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
28-11-2008	Quyết định số 3530/2008/QĐ-UBND về việc bàn giao Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về Trường Đại học Hùng Vương.	5
16-12-2008	Quyết định số 3817/2008/QĐ-UBND về một số chủ trương, biện pháp quản lý và điều hành ngân sách địa phương năm 2009.	11
25-12-2008	Quyết định số 3969/2008/QĐ-UBND v/v Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng UBND tỉnh.	20

HĐND HUYỆN PHÙ NINH

19-12-2008	Nghị quyết số 09/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2009 của huyện Phù Ninh.	24
19-12-2008	Nghị quyết số 10/2008/NQ-UBND về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2009.	31
19-12-2008	Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND về phân bổ các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước năm 2009.	35
19-12-2008	Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND- về nội dung các kỳ họp; chương trình giám sát của HĐND huyện Phù Ninh năm 2009.	41

HĐND HUYỆN TAM NÔNG

25-12-2008	Nghị quyết số 73/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009.	45
25-12-2008	Nghị quyết số 74/2008/NQ-HĐND v/v Phân bổ quỹ xây dựng trường học thu được năm 2008 còn lại và điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 48/2007/NQ - HĐND - KXXVII của Hội đồng nhân dân huyện khóa XVII.	52
25-12-2008	Nghị quyết số 79/2008/NQ-HĐND về phổ biến bậc trung học huyện Tam Nông giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến năm 2015.	54

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-12-2008	Quyết định số 3791/QĐ-UBND v/v duyệt đơn giá cho thuê đất áp dụng cho Công ty TNHH một thành viên Pangrim Neotex.	61
19-12-2008	Quyết định số 3865/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai thuộc xã Phượng Lâu và xã Kim Đức, thành phố Việt Trì.	62

31-12-2008	Quyết định số 4123/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2008 – 2012.	67
31-12-2008	Quyết định số 4124/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 – 2010, định hướng đến năm 2020.	74

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-12-2008	Quyết định số 3792/QĐ-UBND v/v duyệt mức hỗ trợ cước vận chuyển phân bón cho nông dân vụ chiêm xuân năm 2008 -2009.	80
16-12-2008	Quyết định số 3796/QĐ-UBND v/v duyệt giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với một số doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.	82
18-12-2008	Quyết định số 3834/QĐ-UBND v/v Duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án phát triển nông thôn tổng hợp giảm nghèo tỉnh Phú Thọ.	84
22-12-2008	Quyết định số 3898/QĐ-UBND v/v ban hành Đề án thí điểm thi tuyển chức danh Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp Sở, UBND cấp huyện.	86
22-12-2008	Quyết định số 3903/QĐ-UBND v/v thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường Phú Thọ.	98
23-12-2008	Quyết định số 3941/QĐ-UBND v/v công nhận Trường mầm non Lê Đồng, phường Âu Cơ thị xã Phú Thọ đạt chuẩn quốc gia mức độ I.	101
23-12-2008	Quyết định số 3942/QĐ-UBND v/v công nhận Trường mầm non Bằng Luân, xã Bằng Luân huyện Đoan Hùng đạt chuẩn quốc gia mức độ I.	102
23-12-2008	Quyết định số 3943/QĐ-UBND v/v công nhận Trường mầm non Minh Nông, xã Minh Nông thành phố Việt Trì đạt chuẩn quốc gia mức độ I.	103
23-12-2008	Quyết định số 3951/QĐ-UBND v/v cấp hỗ trợ kinh phí do miễn thu thủy lợi phí cho các Hợp tác xã.	104

23-12-2008	Quyết định số 3952/QĐ-UBND v/v Giao chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp năm 2009.	106
24-12-2008	Chỉ thị số 19/CT-UBND về việc tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông nâng cao chất lượng phục vụ vận tải hành khách dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội xuân Kỷ Sửu 2009.	108
24-12-2008	Quyết định số 3962/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tam Nông đến năm 2020.	110
24-12-2008	Quyết định số 4010/QĐ-UBND về việc giải thể Trung tâm Lưu trữ và Công báo trực thuộc Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh.	126
25-12-2008	Chỉ thị số 20/CT-UBND về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống đói, rét và dịch bệnh cho đàn trâu, bò vụ Đông xuân 2008 – 2009.	127
25-12-2008	Quyết định số 3973/QĐ-UBND về việc công nhận Trường Trung học Cơ sở Chu Hóa, xã Chu Hóa thành phố Việt Trì đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 -2010.	129
25-12-2008	Quyết định số 3974/QĐ-UBND về việc công nhận Trường Trung học Cơ sở Vĩnh Chân, xã Vĩnh Chân huyện Hạ Hòa đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 -2010.	130
25-12-2008	Quyết định số 3975/QĐ-UBND về việc công nhận Trường Trung học Cơ sở Trung Vương, xã Trung Vương thành phố Việt Trì đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 -2010.	131
26-12-2008	Quyết định số 3983/QĐ-UBND về việc duyệt phương án tổng thể giải phóng mặt bằng xây dựng cầu Ngọc Tháp và đoạn tuyến nối QL2 - QL32 - thuộc dự án Đường Hồ Chí Minh (bước dự án đầu tư điều chỉnh).	132
26-12-2008	Quyết định số 4009/QĐ-UBND v/v Duyệt điều chuyển vốn đầu tư xây dựng cơ bản một số dự án nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2008.	136
31-12-2008	Quyết định số 4086/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Chánh thanh tra tỉnh Phú Thọ.	137

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3530/2008/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 28 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bàn giao Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về Trường Đại học Hùng Vương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư 02/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 1394/BXD-PC ngày 28/6/2007 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3466/2005/QĐ-UBND ngày 20/12/2005 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bàn giao nguyên trạng Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ về Trường Đại học Hùng Vương quản lý.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm bàn giao chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội; bàn giao hồ sơ cán bộ, viên chức và các trang thiết bị (như phụ biểu kèm theo) từ Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa xã hội thuộc Văn phòng UBND tỉnh về Trường Đại học Hùng Vương, xong trước ngày 05 tháng 12 năm 2008.

Giao Phó Trưởng Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội phụ trách Ban quản lý dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội để tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm duy trì hoạt động của Ban.

Điều 2. Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương có trách nhiệm tiếp nhận và quyết định về hoạt động của Ban quản lý các dự án xây dựng khối văn hóa – xã hội; bố trí số viên chức, trang thiết bị được bàn giao phù hợp tình hình thực tế và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ Quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ THỌ
BAN QL CÁC DA KHỐI VHXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BÀN GIAO CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TÍNH ĐẾN NGÀY 04 THÁNG 12 NĂM 2008**

(Theo Quyết định số 3530/2008/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Phú Thọ và Biên bản số 502/BB-VP ngày 19/12/2008 của Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên TSCĐ	Năm đưa vào SD	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá		Giá trị đã khấu hao		Giá trị còn lại	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ khấu hao	Giá trị đã khấu hao		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Tài sản do Ban mua sắm									
1	Bàn ghế làm việc bằng gỗ	2008	Bộ	1	6.900.000	6.900.000	10	-	6.900.000	
2	Bàn để máy Fax	2006	Chiếc	1	220.000	220.000	10	44.000	176.000	
3	Bàn để tài liệu	2006	Chiếc	1	290.000	290.000	10	29.000	261.000	
4	Bàn gỗ phòng họp	2006	Chiếc	1	7.000.000	7.000.000	10	1.400.000	5.600.000	
5	Bàn ghế uống nước gỗ nghiêng	2006	Bộ	1	750.000	750.000	10	150.000	600.000	
6	Bàn làm việc Xuân Hòa	2006	Cái	1	650.000	650.000	10	65.000	585.000	
7	Bàn làm việc Xuân Hòa	2008	Cái	3	920.000	2.760.000	10	-	2.760.000	
8	Bàn làm việc Xuân Hòa	2006	Cái	5	780.000	3.900.000	10	390.000	3.510.000	
9	Bàn làm việc Xuân Hòa	2006	Cái	1	950.000	950.000	10	95.000	855.000	
10	Bàn uống nước Xuân Hòa	2006	Cái	1	300.000	300.000	10	60.000	240.000	
11	Bàn vi tính	2006	Cái	1	400.000	400.000	10	80.000	320.000	

12	Ghế bọc da	2006	Cái	1	750.000	750.000	10	150.000	600.000	
13	Ghế quay to	2006	Cái	4	580.000	2.320.000	10	464.000	1.856.000	
14	Ghế quay to	2006	Cái	3	380.000	1.140.000	10	-	1.140.000	
15	Ghế quay nhỏ	2006	Chiếc	1	330.000	330.000	10	33.000	297.000	
16	Giường gấp	2006	Cái	1	300.000	300.000	10	60.000	240.000	
17	Giá chia tài liệu	2008	Cái	1	1.200.000	1.200.000	10	-	1.200.000	
18	Giá sắt hồ sơ	2006	Cái	10	1.100.000	1.100.000	10	2.200.000	8.800.000	
19	Kết bạc	2006	Cái	1	2.200.000	2.200.000	10	440.000	1.760.000	
20	Máy điện thoại để bàn	2006	Cái	2	735.000	1.470.000	10	294.000	1.760.000	
21	Máy đếm tiền	2006	Cái	1	2.900.000	2.900.000	20	1.160.000	1.740.000	
22	Máy ảnh	2007	Cái	1	9.500.000	9.500.000	20	1.900.000	7.600.000	
23	Máy Fax	2006	Chiếc	1	4.120.000	4.120.000	20	1.648.000	2.472.000	
24	Máy in Canon LBP – 3200	2006	Chiếc	2	3.540.000	7.080.000	20	2.832.000	4.248.000	
25	Máy in HP 2040	2006	Chiếc	1	3.440.000	3.440.000	20	1.376.000	2.064.000	
26	Máy in HP 1022	2006	Chiếc	1	4.161.000	4.161.000	20	1.664.400	2.496.600	
27	Máy in HP 1320	2006	Chiếc	1	6.080.000	6.080.000	20	2.432.000	3.648.000	
28	Máy khoan cứng từ	2006	Chiếc	1	1.750.000	1.750.000	20	700.000	1.050.000	
29	Máy photocopy	2006	Chiếc	1	68.590.000	68.590.000	20	28.019.000	40.571.000	
30	Máy Camera	2007	Chiếc	1	30.000.000	30.000.000	20	6.000.000	24.000.000	
31	Máy tính Casio 40v	2006	Chiếc	6	400.000	2.400.000	20	960.000	1.440.000	
32	Máy tính Casio 40v	2007	Chiếc	2	400.000	800.000	20	160.000	640.000	
33	Máy tính sách tay	2007	Cái	1	32.291.000	32.291.000	20	6.458.000	25.832.800	
34	Máy vi tính Đông Nam Á	2006	Bộ	4	7.390.000	29.560.000	20	11.824.000	17.736.000	
35	Máy vi tính Đông Nam Á	2006	Bộ	3	8.279.667	24.839.000	20	9.935.000	14.903.400	
36	Máy vi tính	2006	Bộ	1	11.800.000	11.800.000	20	4.720.000	7.080.000	
37	Phần mềm kế toán chủ đầu tư	2006	Bộ	1	8.500.000	8.500.000	20	3.400.000	5.100.000	
38	Phích điện Nhật	2006	Chiếc	1	1.650.000	1.650.000	20	660.000	990.000	
39	Phích điện Nhật	2006	Chiếc	1	1.450.000	1.450.000	20	580.000	870.000	
40	Phích điện SaiKo	2006	Chiếc	1	920.000	920.000	20	368.000	552.000	

41	Phích nước Rạng Đông	2006	Chiếc	1	70.000	70.000	20	28.000	42.000	
42	Quạt cây Trung Quốc	2006	Chiếc	2	420.000	840.000	20	336.000	504.000	
43	Quạt cây Trung Quốc	2006	Chiếc	4	480.000	1.920.000	20	768.000	1.152.000	
44	Quạt tản gió	2006	Chiếc	2	250.000	500.000	20	200.000	300.000	
45	Quạt treo tường	2006	Chiếc	3	350.000	1.050.000	20	420.000	630.000	
46	Quạt treo tường	2006	Chiếc	1	250.000	250.000	20	100.000	150.000	
47	Swith VN/Planet, đầu, dây mạng	2006	Bộ	1	830.000	830.000	20	332.000	498.000	
48	Tủ góc	2006	Chiếc	1	750.000	750.000	10	150.000	600.000	
49	Tủ sắt hồ sơ	2006	Chiếc	6	1.650.000	9.900.000	10	1.980.000	7.920.000	
50	Tủ sắt hồ sơ	2007	Chiếc	2	1.200.000	2.400.000	10	240.000	2.160.000	
51	Tủ sắt hồ sơ	2007	Chiếc	3	1.700.000	5.100.000	10	510.000	4.590.000	
52	Tủ tài liệu 3 buồng	2006	Chiếc	3	1.150.000	3.450.000	10	690.000	2.760.000	
II	Tài sản do Văn phòng UBND tỉnh điều chuyển:					19.305.000		-	19.305.000	
1	Ghế nhựa bằng gỗ bọc vải	2006	Chiếc	27	715.000	19.305.000	10	-	19.305.000	
						343.026.000		98.505.200	244.520.800	

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC BÀN GIAO CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
(Theo Quyết định số 3530/2008/QDD-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Phú Thọ;
Biên bản bàn giao số 502/BB-VP ngày 19 tháng 12 năm 2008)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Lương					Ghi chú
					Ngạch	Bậc	Hệ số	P. cấp	VK	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trần Xuân Cừ	01/10/1949	P. Trưởng ban	Kỹ sư xây dựng	01.0003	9	4,98	0,3	0,3	Biên chế sự nghiệp
2	Hà Thị Loan	01/02/1966	T. phòng KHTV	Cử nhân kinh tế	06.031	8	4,65	0,3		Biên chế sự nghiệp
3	Lê Đức Thọ	17/07/1976	T. phòng QLDA	Kỹ sư xây dựng	13.095	4	3,33	0,2		Hợp đồng
4	Nguyễn Tiến Anh	31/08/1960	P. phòng QLDA	Kỹ sư xây dựng	13.095	8	4,65	0,15		Hợp đồng
5	Lê Quan Hưng	07/09/1979	P. phòng TCHC	Trung cấp kế toán	01.004	2	2,06	0,2		Hợp đồng
6	Nguyễn Thị Nhi	10/05/1955		Kỹ sư xây dựng	13.095	9	4,98			Hợp đồng
7	Nguyễn Chí Tuệ	22/08/1977		Kiến trúc sư	12.089	1	2,34			Hợp đồng
8	Nguyễn Đình Chi	29/02/1974		Kiến trúc sư	12.089	3	3,00			Hợp đồng
9	Nguyễn T. Tuyết Nga	10/01/1969		KS xây dựng, Cử nhân KT	13.095	6	3,99			Hợp đồng
10	Đoàn Văn Quý	31/10/1972		Kỹ sư xây dựng	13.095	3	3,00			Hợp đồng
11	Cao Quốc Việt	15/12/1982		Trung cấp xây dựng	01.004	1	1,86			Hợp đồng
12	Nguyễn Ngọc Khuyến	10/11/1984		Lái xe	01.010	1	2,05			Hợp đồng
13	Nguyễn Thị Hải Yên	16/11/1985		Trung cấp văn thư lưu trữ	01.004	1	1,86			Hợp đồng
14	Nguyễn Phương Vĩnh	09/07/1984		Trung cấp Kế toán	01.004	2	2,06			Hợp đồng
15	Nguyễn Đức Dũng	20/07/1980		Trung cấp xây lắp điện	01.004	4	1,82			Hợp đồng
16	Nguyễn Hoài Nam	03/05/1970		Cao đẳng Kế toán	01.003A	2	2,41			Hợp đồng

Ấn định danh sách: 16 người

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3817/2008/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 16 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VÀ
ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 19/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2009; Quyết định 2615/QĐ-BTC ngày 20/11/2008 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2009; Thông tư số 115/TT-BTC ngày 02/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm thực hiện dự toán ngân sách năm 2009;

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 và những quan điểm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về phân bổ và giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2009:

I. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi:

1. Năm 2009 là năm trong thời kỳ ổn định ngân sách (2007 - 2010), việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cơ bản thực hiện ổn định theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của UBND đối với năm ngân sách trong thời kỳ ổn định.

2. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất) tiếp tục được cân đối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Kể từ năm 2009, dành 10% khoản thu này để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng với nguồn hỗ trợ bổ sung từ ngân sách Trung ương, phấn đấu đến năm 2010 cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 loại đất chính là đất nông nghiệp, lâm nghiệp và đất ở.

3. Nhiệm vụ chi sự nghiệp y tế gồm: Chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định cho cán bộ y tế xã và hỗ trợ phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản,

hỗ trợ chi thường xuyên cho trạm y tế xã, chi hỗ trợ nâng cấp trạm y tế xã thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh.

Chi sự nghiệp y tế ngân sách cấp huyện bao gồm: Chi phòng chống bệnh trên địa bàn, chi cho công tác xét khám bệnh nghĩa vụ quân sự.

4. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý tại các trường chuyên biệt và thuộc các xã đặc biệt khó khăn.

5. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 68/2006/QH11 ngày 31/10/2006 của Quốc hội, nguồn thu xổ số kiến thiết được quản lý qua ngân sách Nhà nước (không đưa vào cân đối ngân sách); căn cứ khả năng thu xổ số kiến thiết năm 2008 và kế hoạch tăng trưởng kinh tế năm 2009, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu xổ số kiến thiết năm 2009 cho phù hợp với thực tế đồng thời sử dụng số thu này để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư các công trình giáo dục, y tế.

II. Phân bổ và giao dự toán ngân sách:

1. Phân bổ, giao dự toán thu ngân sách:

a) Nhiệm vụ thu ngân sách năm 2009: Ngân sách cấp tỉnh giao tăng 12% so với ước thực hiện năm 2008; ngân sách cấp huyện, xã và các cơ quan thu đảm bảo mức phấn đấu cao hơn tối thiểu 3 – 5% mức dự toán thu ngân sách cấp trên giao ngân sách cấp dưới.

b) Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách phải trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2008; căn cứ các Luật Thuế, các chế độ thu, mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, khả năng phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ cụ thể của các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, yêu cầu thực hiện các biện pháp chống thất thu, gian lận thương mại, kiên quyết thu hồi dứt điểm các khoản nợ đọng thuế; thực hiện chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thu ngân sách Nhà nước.

2. Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách Nhà nước:

a) Phân bổ, giao dự toán chi đầu tư XDCB:

- Đối với cấp tỉnh: Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư XDCB đảm bảo và ưu tiên thứ tự theo nguyên tắc:

+ Bổ trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được giao để thanh toán dứt điểm nợ khối lượng xây dựng cơ bản của các công trình thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách theo chế độ quy định, không để phát sinh nợ tồn đọng mới và không bổ trí vốn cho các dự án chưa đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Bổ trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho các dự án ODA, các dự án theo cam kết với bộ, ngành và dự án, chương trình được ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần để thực hiện các mục tiêu như: Đề án kiên cố hóa trường lớp học, đề án y tế sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ và các chương trình khác do vốn Trung ương